

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/04/2011 với mã số doanh nghiệp là 0400463362.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2016: 14.986.800.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 29,41%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 78 Pasteur, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511.3886497 - Fax: (84) 0511.3887793
- Website: www.sachgiaoduc.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2016 là 26 người, trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Ông Thừa Phú	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
• Ông Huỳnh Bá Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
• Ông Phạm Nhiêu	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Ông Nguyễn Thế Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014

Ban Kiểm soát

• Bà Phạm Thị Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Ông Đặng Lê	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Bà Đặng Thị Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phạm Nhiêu	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014
• Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014
• Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 783/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 10/07/2016 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC


Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.205.871.228	29.753.447.881
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.092.232.575	6.789.413.907
1. Tiền	111	5	2.092.232.575	2.789.413.907
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.191.288.929	9.957.148.625
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	24.598.519.666	9.404.144.232
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	696.925.000	746.512.120
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	184.308.890	94.956.900
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(288.464.627)	(288.464.627)
IV. Hàng tồn kho	140	10	15.175.050.924	12.243.690.742
1. Hàng tồn kho	141		16.651.301.979	13.719.941.797
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.476.251.055)	(1.476.251.055)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		747.298.800	763.194.607
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	691.254.304	687.474.663
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.786.729	10.006.565
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	51.257.767	65.713.379
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.199.315.020	7.724.388.014
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		950.000.000	950.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	950.000.000	950.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.961.731.498	4.042.158.420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.461.331.498	2.541.758.420
- Nguyên giá	222		5.649.084.372	5.649.084.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.187.752.874)	(3.107.325.952)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.500.400.000	1.500.400.000
- Nguyên giá	228		1.500.400.000	1.500.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.167.516.709	1.167.516.709
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	1.167.516.709	1.167.516.709
VI. Tài sản dài hạn khác	260		120.066.813	1.564.712.885
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	120.066.813	1.564.712.885
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		49.405.186.248	37.477.835.895

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	38.356.394.837	32.932.579.336
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	533.094.427	355.309.229
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		37.823.300.410	32.577.270.107
4. Giá vốn hàng bán	11	23	28.817.822.870	24.143.112.459
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		9.005.477.540	8.434.157.648
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	173.920.521	106.708.732
7. Chi phí tài chính	22	25	164.558.210	220.987.955
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	4.375.000	102.070.343
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	2.222.049.888	1.915.074.765
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	3.046.871.881	2.987.621.565
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.745.918.082	3.417.182.095
11. Thu nhập khác	31		6.275.000	3.227.273
12. Chi phí khác	32	27	25.023.257	-
13. Lợi nhuận khác	40		(18.748.257)	3.227.273
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.727.169.825	3.420.409.368
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	781.324.365	735.022.061
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.945.845.460	2.685.387.307
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.612	1.469
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.612	1.469



Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BT
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		23.150.493.721	23.343.261.596
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(26.478.909.893)	(20.222.493.216)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.955.090.500)	(1.804.161.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(100.488.029)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(196.490.653)	(147.989.416)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		410.369.543	298.030.855
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.308.268.071)	(1.321.103.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.377.895.853)	45.056.912
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(38.850.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	180.714.521	159.210.332
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		180.714.521	120.360.332
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	1.500.000.000	4.640.091.691
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(6.371.489.191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.500.000.000	(1.731.397.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.697.181.332)	(1.565.980.256)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	6.789.413.907	3.146.636.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	2.092.232.575	1.580.656.328



Giám đốc

Phạm Nhiêu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/04/2011 với mã số doanh nghiệp là 0400463362.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2016 của Công ty là 14.986.800.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 29,41% vốn điều lệ.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gởi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty nhận vốn đầu tư:

- Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục, tỷ lệ góp vốn 0,55%;
- Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ góp vốn 0,52%;
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam, tỷ lệ góp vốn 7,5%;
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng, tỷ lệ góp vốn 8,76%.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 (Bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được xác định như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản cố định là phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5 - 2

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);

Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí bản thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định .
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong niên độ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với bán lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	228.933.375	45.441.934
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.863.299.200	2.743.971.973
Cộng	2.092.232.575	2.789.413.907

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Trịnh Trọng Nam	26.494.800	951.949.740
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	5.034.994.777	4.308.745.830
Nhà sách Yên Công	2.409.692.913	516.913.149
Các đối tượng khác	17.127.337.176	3.626.535.513
Cộng	24.598.519.666	9.404.144.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	5.034.994.777	4.308.745.830
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	455.222.401	374.745.133
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	46.713.080	137.775.740
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	1.966.966.814	65.159.490
Cộng		7.503.897.072	4.886.426.193

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	696.925.000	696.925.000
Các đối tượng khác	-	49.587.120
Cộng	696.925.000	746.512.120

Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư	696.925.000	696.925.000
Cộng		696.925.000	696.925.000

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	6.794.000	-
Phải thu BHXH	-	-	22.887.900	-
Phải thu CBCNV	49.428.890	-	-	-
Tạm ứng	134.880.000	-	65.275.000	-
Cộng	184.308.890	-	94.956.900	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (i)	950.000.000	-	950.000.000	-
Cộng	950.000.000	-	950.000.000	-

- (i) Là khoản tiền Công ty góp vào Quỹ đầu tư xuất bản của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư 09/DAE/2013/ĐTXB ngày 30/12/2013. Mục đích: Đầu tư cho hoạt động xuất bản Sách giáo khoa và Sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm kể từ ngày 30/12/2013 và thời hạn trên có thể được kéo dài theo thỏa thuận của 2 bên.

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	288.464.627	288.464.627
- Từ 3 năm trở lên	288.464.627	288.464.627
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
Cộng	288.464.627	288.464.627

10. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.225.654.126	-	4.972.711.655	-
Chi phí SX, KD dở dang	416.915.561	-	1.193.451.368	-
Thành phẩm	11.001.915.911	1.476.251.055	7.548.518.493	1.476.251.055
Hàng hóa	6.816.381	-	5.260.281	-
Cộng	16.651.301.979	1.476.251.055	13.719.941.797	1.476.251.055

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2016 là 5.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.945.454	-
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	677.114.663	677.114.663
Chi phí thiết kế, biên tập sách	-	10.360.000
Phí quản lý xuất bản	9.194.187	-
Cộng	691.254.304	687.474.663

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí tổ chức bàn thảo	120.066.813	1.564.712.885
Cộng	120.066.813	1.564.712.885

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	3.697.596.119	38.850.000	1.814.547.344	98.090.909	5.649.084.372
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.697.596.119	38.850.000	1.814.547.344	98.090.909	5.649.084.372
Khấu hao					
Số đầu kỳ	1.182.294.682	12.393.017	1.814.547.344	98.090.909	3.107.325.952
Khấu hao trong kỳ	73.951.920	6.475.002	-	-	80.426.922
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.256.246.602	18.868.019	1.814.547.344	98.090.909	3.187.752.874
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	2.515.301.437	26.456.983	-	-	2.541.758.420
Số cuối kỳ	2.441.349.517	19.981.981	-	-	2.461.331.498

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2016 là 1.912.638.253 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo nợ vay tại ngày 30/6/2016 là 2.441.349.517 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với nguyên giá 1.500.400.000 đồng tại 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này. Quyền sử dụng đất này là tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2016				01/01/2016				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty CP Bàn đồ & Tranh ảnh Giáo dục (ECI) (i)	Đang hoạt động	0,55%	10.294	118.937.709	-	156.468.800	118.937.709	-	138.969.000
- Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh (STC) (i)	Đang hoạt động	0,52%	29.300	456.275.000	-	717.850.000	456.275.000	-	679.760.000
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam (ii)	Đang hoạt động	7,50%	33.750	242.304.000	-	-	242.304.000	-	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục tại Đà Nẵng (ii)	Đang hoạt động	8,76%	35.000	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
Cộng				1.167.516.709	-	-	1.167.516.709	-	-

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu ECI và STC được xác định theo giá đóng cửa của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 (trước kiểm toán) của Công ty Cổ phần In PHS & TBTH Quảng Nam và Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng vốn chủ sở hữu tại 30/06/2016 được bảo toàn. Ngoài ra, cổ phiếu các Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	993.894.123	3.799.093.083
Công ty CP Sản xuất Thương mại Mê Kông	-	1.568.864.096
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	5.212.853.014	-
Các đối tượng khác	4.502.550.642	623.952.327
Cộng	10.709.297.779	5.991.909.506

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.411.714.046	1.800.214.046
Cộng	2.411.714.046	1.800.214.046

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	3.405.608.169	5.599.307.129
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	229.610.655
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	5.212.853.014	-
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	3.029.552.844	-
Cộng		11.648.014.027	5.828.917.784

16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	8.298.965	8.298.965	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.707.251)	781.324.365	196.490.653	575.126.461
Thuế thu nhập cá nhân (Vãng lai)	81.971.199	37.066.920	135.857.037	(16.818.918)
Thuế thu nhập cá nhân	(56.006.128)	44.306.413	22.739.134	(34.438.849)
Cộng	16.257.820	870.996.663	363.385.789	523.868.694

Các giá trị được trình bày trong () là số thuế phải thu, còn được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	16.997.650	2.536.770
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	3.015.450
Chiết khấu thương mại	476.054.303	-
Chiết khấu thanh toán	129.534.042	-
Chi phí tổ chức bán thảo	1.264.068.293	-
Phải trả khác	192.003.265	107.388.399
Cộng	2.078.657.553	112.940.619

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền ký cược của các Nhà sách	12.000.000	12.000.000
Cộng	12.000.000	12.000.000

18. Vay ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN -CN Hải Vân	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	14.986.800.000	2.859.726.199	1.164.460.301	6.807.096.062
Tăng trong năm	-	-	225.678.312	4.513.566.234
Giảm trong năm	-	-	-	3.436.008.234
Số dư tại 31/12/2015	14.986.800.000	2.859.726.199	1.390.138.613	7.884.654.062
Số dư tại 01/01/2016	14.986.800.000	2.859.726.199	1.390.138.613	7.884.654.062
Tăng trong kỳ	-	-	-	2.945.845.460
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	14.986.800.000	2.859.726.199	1.390.138.613	10.830.499.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2016	01/01/2016
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.407.610.000	4.407.610.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.579.190.000	10.579.190.000
Cộng	14.986.800.000	14.986.800.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.498.680	1.498.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	7.884.654.062	6.807.096.062
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	2.945.845.460	2.685.387.307
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	10.830.499.522	9.492.483.369

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	Số tiền	Nguyên nhân xóa nợ
Cộng ty In - Phát hành Sách và TB Quảng Ngãi	139.339.351	Đã giải thể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu sách giáo khoa	7.691.606.220	501.811.176
Doanh thu sách bổ trợ	3.663.138.145	3.993.792.671
Doanh thu sách tham khảo	25.671.522.340	26.524.503.285
Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	1.330.128.132	1.458.370.856
Doanh thu nhượng bán vật tư	-	454.101.348
Cộng	38.356.394.837	32.932.579.336

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chiết khấu thương mại	441.030.135	328.240.504
Hàng bán bị trả lại	92.064.292	27.068.725
Cộng	533.094.427	355.309.229

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn sách giáo khoa	7.101.122.136	457.975.714
Giá vốn sách bổ trợ	2.760.249.337	3.007.978.321
Giá vốn sách tham khảo	17.157.972.322	18.392.523.104
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	1.193.708.504	1.319.429.232
Giá vốn vật tư	-	348.589.600
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	604.770.571	616.616.488
Cộng	28.817.822.870	24.143.112.459

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.918.921	4.208.732
Cổ tức, lợi nhuận được chia	155.001.600	102.500.000
Cộng	173.920.521	106.708.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí lãi vay	4.375.000	102.070.343
Chiết khấu thanh toán nhanh	160.183.210	102.509.977
Dự phòng tổn thất vốn đầu tư dài hạn	-	16.407.635
Cộng	164.558.210	220.987.955

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương nhân viên bán hàng	1.537.457.553	1.320.406.739
Chi phí vận chuyển sách	298.217.554	338.822.221
Chi phí thuê kho	152.727.272	152.727.272
Tuyên truyền, quảng cáo	176.152.076	50.768.164
Chi phí khác	57.495.433	52.350.369
Cộng	2.222.049.888	1.915.074.765

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương	1.257.919.816	1.173.597.818
Khấu hao TSCĐ	73.951.920	218.451.301
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	77.872.697	183.965.997
Giao dịch, hội nghị, khánh tiết	674.533.832	685.705.916
Chi phí khác	962.593.616	725.900.533
Cộng	3.046.871.881	2.987.621.565

27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền phạt theo biên bản thanh tra thuế	25.023.257	-
Cộng	25.023.257	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.727.169.825	3.420.409.368
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(76.445.011)	(79.400.000)
- Điều chỉnh tăng	78.556.589	23.100.000
<i>Thù lao HĐTV không tham gia điều hành</i>	53.533.332	23.100.000
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	25.023.257	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	155.001.600	102.500.000
Tổng thu nhập chịu thuế	3.650.724.814	3.341.009.368
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	781.324.365	735.022.061
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	730.144.963	735.022.061
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	51.179.402	-

Thuế suất thuế TNDN năm 2016 là 20%, năm 2015 là 22%.

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.945.845.460	2.685.387.307
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(530.252.183)	(483.369.715)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành)	530.252.183	483.369.715
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.415.593.277	2.202.017.592
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.498.680	1.498.680
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.612	1.469

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.341.728.748	6.351.575.326
Chi phí nhân công	3.062.751.367	2.667.604.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.426.922	230.287.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.680.078.031	11.430.591.554
Chi phí khác bằng tiền	818.170.703	711.676.018
Cộng	18.983.155.771	21.161.447.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là xuất bản sách các loại và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam

32. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.709.297.779	2.411.714.046	13.121.011.825
Vay và nợ thuê tài chính	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Phải trả khác	2.061.659.903	12.000.000	2.073.659.903
Cộng	14.270.957.682	2.423.714.046	16.694.671.728

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.991.909.506	1.800.214.046	7.792.123.552
Chi phí phải trả	817.381.355	-	817.381.355
Phải trả khác	107.388.399	12.000.000	119.388.399
Cộng	6.916.679.260	1.812.214.046	8.728.893.306

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.092.232.575	-	2.092.232.575
Đầu tư tài chính	-	1.167.516.709	1.167.516.709
Phải thu khách hàng	24.310.055.039	-	24.310.055.039
Phải thu khác	49.428.890	950.000.000	999.428.890
Cộng	26.451.716.504	2.117.516.709	28.569.233.213

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.789.413.907	-	6.789.413.907
Đầu tư tài chính	-	1.167.516.709	1.167.516.709
Phải thu khách hàng	9.115.679.605	-	9.115.679.605
Phải thu khác	6.794.000	950.000.000	956.794.000
Cộng	15.911.887.512	2.117.516.709	18.029.404.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hòa Phát	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ & tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2016	năm 2015
		VND	VND
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Phí QLXB, thuê kho	1.003.082.700	1.543.935.141
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hòa Phát	In gia công	185.067.461	223.977.530
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	In gia công	1.540.878.269	1.390.855.809
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Tổ chức bản thảo	2.206.932.980	5.684.111.823
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Tổ chức bản thảo	-	41.300.000
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Tập bản đồ, Atlas	1.303.110.336	1.541.710.400
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua Sách tham khảo	2.079.358.452	2.007.567.631
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Mua Sách tham khảo	3.938.294.500	3.697.255.060
Công ty CP Sách Dân tộc	Mua Sách tham khảo	-	8.463.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Mua Sách tham khảo	5.457.493.614	143.430.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua Sách giáo khoa	766.773.040	727.117.680
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Mua Sách giáo khoa	486.940.568	484.195.660

Bán hàng

Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cung ứng sách	21.598.146	79.351.700
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Cung ứng sách	16.398.369	339.212.785
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	2.159.835.720	3.015.517.870
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Cung ứng sách	6.802.694.870	7.590.360.760
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	3.670.808.849	3.994.256.431
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	35.514.953	6.300.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách	244.640.600	21.561.600
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách	8.937.340	43.882.040
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	262.481.010	382.420.290
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách	-	153.885.480
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Cung ứng sách	949.000.740	807.488.630
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách	1.565.754.540	1.133.798.770

c. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2016	năm 2015
Hội đồng quản trị	Thù lao	94.200.000	100.100.000
Ban Giám đốc	Thu nhập	345.267.000	316.638.000

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Kiểm soát

Phạm Nhiêu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2016